

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hình thức VLVH theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ - BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ - BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này *“Quy chế đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ”* tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 755/ QĐ-ĐT, ngày 02/12/ 2008 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành *“Quy chế đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ”*

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGH (để b/c);
- Lưu VT; Đào tạo.



PGS.TS. Phan Quang Thế

QUY CHẾ

Đào tạo đại học hình thức VLVH theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 908/QĐ - ĐHKTCN, ngày 14 tháng 9 năm 2012
của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH) theo hệ thống tín chỉ bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

2. Chương trình giáo dục đại học hình thức VLVH là các chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ hệ chính quy đã được Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp phê duyệt.

Điều 3. Học phần, Tín chỉ và Học phí tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn các học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ và được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần đều có mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình.

c. Hoạt động học tập giảng dạy của mỗi học phần bao gồm một hay kết hợp một số trong các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết;
- Hướng dẫn thảo luận, thực hành, bài tập, thí nghiệm;
- Hướng dẫn thực tập, thực tập tốt nghiệp;

- Hướng dẫn đồ án, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp ...

Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt học phần, các học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước, cách đánh giá học phần, nội dung chính các chương mục, các giáo trình, tài liệu tham khảo và lịch trình giảng dạy ... Đề cương chi tiết được Hiệu trưởng phê duyệt, công bố cùng chương trình và được giáo viên giới thiệu cho sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

+ Học phần tương đương và học phần thay thế

Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của ngành đào tạo.

Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế là các phần bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương hoặc thay thế được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

+ Học phần tiên quyết

Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

+ Học phần học trước

Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

+ Học phần song hành

Các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.

+ Học phần đặc biệt

Học phần đặc biệt bao gồm các chuyên đề thực tế và các học phần bổ sung hàng năm do Hiệu trưởng qui định.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 60 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, thảo luận để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học của cá nhân.

4. Một tiết học được tính là 45 phút (tạm thời trong năm học 2008-2009).

5. Học phí tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy học tập tính cho mỗi học phần. Học phí được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký và được học trong học kỳ và bằng tổng số học phí tín chỉ quy định cho các học phần này. Mức tiền học phí/ 1 tín chỉ của mỗi học phần do Hiệu trưởng quy định theo năm học.

Điều 4. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký và được phép học trong mỗi học kỳ gọi là khối lượng kiến thức học tập học kỳ của sinh viên.

2. Điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký và được phép học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần sinh viên đã học và được đánh giá đạt tính từ đầu khoá học tới thời điểm xem xét.

4. Điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL) là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được tính từ đầu khoá học đến thời điểm xem xét.

Chương II **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a. Khoá học là khoảng thời gian thiết kế tiêu chuẩn để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp quy định tổ chức các khoá học như sau:

- Đào tạo trình độ Đại học 4 năm và 5 năm cho những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp;

- Đào tạo trình độ Đại học 2 năm đối với những người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo (liên thông cao đẳng-đại học);

- Đào tạo trình độ đại học 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học khác khối ngành (bằng 2).

b. Một năm học gồm hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 17 đến 18 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét: điều kiện tổ chức, đăng ký của các bộ môn, giáo viên giảng dạy học phần, nhu cầu đăng ký học của sinh viên, điều kiện cơ sở vật chất, quỹ thời gian cho phép để quyết định tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học vượt.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Phòng Đào tạo tư vấn và Hiệu trưởng quyết định dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học và học kỳ.

3. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của điều này, cộng với 3 học kỳ chính đối với khoá đào tạo đại học tiêu chuẩn 2 năm; 5 học kỳ chính đối với khoá đào tạo đại học tiêu chuẩn 4 năm và 7 học kỳ chính đối với khoá đào tạo đại học tiêu chuẩn 5 năm.

Điều 6. Tuyển sinh và đăng ký nhập học

1. Hàng năm Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tuyển sinh vào hệ đại học

hình thức VLVH qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ GD&ĐT qui định. Thí sinh trúng tuyển phải làm các thủ tục nhập học theo Quy chế tuyển sinh.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Công tác Học sinh - Sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Sổ theo dõi kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trước ngày khai giảng khóa học. Trong vòng 15 ngày đầu của học kỳ đầu tiên hồ sơ nhập học vẫn được tiếp tục nhận nhưng sau thời gian quy định trên, sinh viên coi như bỏ học.

4. Sinh viên nhập học phải được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên thông qua niên giám và Website của trường.

5. Sinh viên dự thính là sinh viên đang học ở trường đại học khác, cán bộ đang công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu... có nguyện vọng đăng ký học một số học phần. Để được nhập học, sinh viên dự thính phải nộp hồ sơ xin học theo mẫu của Nhà trường; có thể phải dự kiểm tra điều kiện theo quy định của Nhà trường; phải thực hiện các nhiệm vụ học tập, đóng học phí như sinh viên vừa làm vừa học nhưng chỉ được cấp chứng chỉ học phần (môn học), không được hưởng các quyền lợi và chế độ của sinh viên vừa làm vừa học của trường.

Điều 7. Tổ chức lớp học

1. Lớp sinh viên

Lớp sinh viên được tổ chức theo nguyên tắc quản lý sinh viên toàn diện gắn với tổ chức quản lý của đơn vị liên kết đào tạo được phân công quản lý lớp. Mỗi lớp sinh viên có một mã số riêng

2. Lớp học phần

Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa vào kế hoạch tổ chức lớp và kết quả đăng ký học tập của sinh viên. Quy mô của lớp học phần trong mỗi học kỳ do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 8. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, Nhà trường phải thông báo công khai kế hoạch đào tạo dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến, đề cương chi tiết, nội dung đánh giá (ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần) và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần làm cơ sở cho sinh viên đăng ký khối lượng học tập.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo hoặc cơ sở liên kết đào tạo theo hướng dẫn của phòng Đào tạo. Có 2 hình thức đăng ký học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường.

a. Đăng ký sớm

Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b. Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần.

3. Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a. Tối thiểu 14 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối khoá học) đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b. Tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa 20 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối khoá học) đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

c. Số tín chỉ tối đa sinh viên đăng ký học vào học kỳ phụ là 6.

Trước khi bắt đầu học kỳ chính 7 ngày và học kỳ phụ 3 ngày, sinh viên phải theo dõi kết quả đăng ký trên Website của Nhà trường và nhận được thời khóa biểu từ phòng Đào tạo. Nếu được chấp nhận việc đăng ký trở thành chính thức, nếu không sinh viên phải đăng ký lại trước khi bắt đầu học kỳ chính 3 ngày và học kỳ phụ 2 ngày.

Sau khi nhận phiếu kết quả đăng ký, trong vòng 1 tháng kể từ ngày bắt đầu khoá học, sinh viên phải nộp học phí theo quy định của Nhà trường.

d. Đăng ký học lại

Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, sinh viên có điểm đánh giá học phần không đạt thì phải đăng ký học lại những học phần đó (đối với học phần bắt buộc) hoặc có thể đăng ký học một học phần khác thay thế (nếu là học phần tự chọn) ở các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt như đăng ký một học phần chưa học.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết, học trước, song hành của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ phải được thống kê, tổng hợp và chuyển cho phòng Đào tạo xử lý dữ liệu và lưu giữ.

Điều 9. Bổ sung và rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc đăng ký thêm học phần chỉ được chấp thuận trong ngày đầu tiên của học kỳ chính hoặc học kỳ phụ.

Việc rút bớt học phần so với khối lượng đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần lễ kể từ đầu học kỳ chính và không được muộn quá 3 tuần lễ; hoặc là sau 1 tuần lễ nhưng không vượt quá 2 tuần lễ đầu của học kỳ phụ. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo; Chỉ sau khi có giấy báo của phòng Đào tạo sinh viên mới được phép bỏ lớp đối với các học phần xin rút bớt.

Việc xin bổ sung hoặc rút bớt khối lượng các học phần đã đăng ký ở đầu mỗi học kỳ:

- Sinh viên phải viết đơn nộp cho phòng Đào tạo của trường;
- Không vi phạm khoản 3 của Điều 8 của qui chế này.

Chỉ sau khi có giấy báo của phòng Đào tạo cho giáo viên phụ trách, sinh viên mới được phép đến dự hoặc bỏ lớp.

Điều 10. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Nhà trường xếp hạng năm đào tạo của sinh viên (đối với chương trình 150 tín chỉ) như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a. Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4).

b. Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,0 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Điều 11. Cảnh báo kết quả học tập, điều kiện để sinh viên được học tiếp, bị buộc thôi học, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời

1. Trước khi vào mỗi học kỳ chính mới, Nhà trường căn cứ vào số học phần sinh viên đã đăng ký và học trong học kỳ vừa qua, điểm TBCHK và điểm TBCTL làm cơ sở để xét việc học tiếp, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời hoặc buộc thôi học sinh viên.

2. Điều kiện thôi học

Căn cứ vào điều kiện riêng của mình, sinh viên có thể viết đơn xin thôi học và được xoá tên trong danh sách sinh viên của Nhà trường.

3. Cảnh báo kết quả học tập

Sinh viên sẽ bị cảnh báo về kết quả học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

- Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ thứ nhất và đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo của khóa học hoặc đạt dưới 1,10 đối với hai học kỳ liên tiếp (theo thang điểm 4).

- Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới:

1,1 đối với học kỳ thứ 1 ($0 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 15 tín chỉ)

1,2 đối với học kỳ thứ 2 ($15 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 30 tín chỉ)

1,3 đối với học kỳ thứ 3 ($30 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 45 tín chỉ)

1,4 đối với học kỳ thứ 4 ($45 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 60 tín chỉ)

1,5 đối với học kỳ thứ 5 ($60 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 75 tín chỉ)

1,6 đối với học kỳ thứ 6 ($75 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 90 tín chỉ)

1,7 đối với học kỳ thứ 7 ($90 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 105 tín chỉ)

1,8 đối với học kỳ thứ 8 ($105 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 120 tín chỉ)

1,8 đối với các học kỳ tiếp theo ($120 \leq$ số tín chỉ tích lũy < 150 tín chỉ)

4. Buộc thôi học

Sinh viên sẽ bị xét buộc thôi học nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

- Đã tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên.
- Sinh viên bị cảnh báo về kết quả học tập hai học kỳ liên tiếp.
- Đã học vượt quá thời hạn tối đa được phép học tại trường như qui định tại

Điều 5 khoản 3 của quy chế này.

Sinh viên có quyết định thôi học hoặc buộc thôi học, chậm nhất sau 1 tháng được trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

5. Sinh viên được quyền gửi đơn đến Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm đau hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Bị điều động công tác;
- d) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất được một học kỳ và phải đạt điểm TBCTL tính từ đầu khóa học không dưới 2,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian tối đa được phép học quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải nộp đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu năm học mới hay học kỳ mới.

Điều 12. Chuyển trường

- 1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
 - a. Trong thời gian học tập nếu bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;
 - b. Trường xin chuyển đến và trường xin chuyển đi trong cùng một nhóm ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
 - c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.
 - d. Sinh viên đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có quyền được học tập tại các địa điểm khác nhau nếu thỏa mãn các yêu cầu nêu trong mục a và b của khoản 1 của điều này.

2. Thủ tục chuyển trường

- a. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu qui định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- b. Trên cơ sở so sánh chương trình đào tạo ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến, Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quy định năm học và số học phần mà sinh viên phải học bổ sung.

3. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- a. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;
- b. Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
- c. Sinh viên ở ngoài vùng tuyển quy định của trường.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 13. Đánh giá học phần

1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

2. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

3. Giáo viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề và cho điểm các đánh giá bộ phận của học phần trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 14. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần và kiểm tra giữa học phần

1. Nhà trường lập kế hoạch thi kết thúc học phần ngay từ đầu mỗi học kỳ, khoa tổ chức thi, chấm điểm, nộp điểm cho phòng Đào tạo theo đúng các quy chế và quy định hiện hành. Khi thi kết thúc học phần được tổ chức tại cơ sở liên kết đào tạo, Nhà trường ủy quyền cho giáo viên đang giảng dạy tại đây tổ chức thi, giám sát coi thi và chuyển bài thi sau khi đã niêm phong về trường.

2. Kiểm tra giữa học phần do giáo viên trực tiếp giảng dạy lý thuyết ra đề, tổ chức kiểm tra vào một buổi dạy trong thời khóa biểu vào tuần học khoảng giữa học phần, chấm bài, nhập điểm và công bố kết quả kiểm tra cho sinh viên trước khi kết thúc giảng dạy học phần.

3. Thời gian dành cho ôn thi kết thúc học phần là 1 ngày cho 1 tín chỉ. Sinh viên tự sắp xếp thời gian ôn kiểm tra giữa học phần.

4. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên phải đảm bảo trên 75% số giờ lên lớp của học phần kể cả lý thuyết và thảo luận mới được dự thi kết thúc học phần. Cơ sở liên kết đào tạo phối hợp với giáo viên trực tiếp giảng dạy trong việc quản lý sinh viên tuy nhiên việc đình chỉ thi kết thúc học phần do giáo viên trực tiếp giảng dạy và bộ môn đề nghị, hội đồng thi của khoa quyết định.

Bộ môn tự lập kế hoạch và tổ chức đánh giá các bài kiểm tra bộ phận còn lại, bảo vệ bài tập lớn, bài thí nghiệm, thực hành vv... ; tổ chức kiểm tra và bảo vệ lần 2 cho những sinh viên có lý do chính đáng, được bộ môn cho phép vắng kiểm tra, bảo vệ lần 1.

Điều 15. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, xử lý điểm, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần và kiểm tra giữa học phần phải phù hợp với nội

dung học phần đã quy định trong chương trình. Trưởng bộ môn phân công giáo viên ra đề thi. Việc ra đề thi kết thúc học phần được lấy trực tiếp từ ngân hàng câu hỏi thi hoặc trên cơ sở ngân hàng câu hỏi thi theo các quy định hiện hành.

2. Hình thức kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần

Hình thức kiểm tra giữa học phần là kiểm tra viết.

Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Mỗi học phần chỉ có một bài thi kết thúc học phần..

3. Chấm bài kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần

a. Các học phần chỉ có lý thuyết

Trưởng bộ môn (hoặc phó trưởng bộ môn) có trách nhiệm phân công giáo viên chấm bài thi kết thúc học phần và đồ án học phần. Việc chấm thi kết thúc học phần và đồ án học phần phải do ít nhất hai giáo viên đảm nhiệm.

Chấm bài kiểm tra giữa học phần được thực hiện tại văn phòng bộ môn hoặc cơ sở liên kết đào tạo. Phiếu ghi các điểm đánh giá bộ phận được lưu tại văn phòng bộ môn và văn phòng khoa có đủ chữ ký của giáo viên đánh giá và Trưởng bộ môn.

Chấm thi viết kết thúc học phần được thực hiện tại phòng chấm thi của Khoa. Phiếu điểm gốc thi kết thúc học phần phải có đầy đủ họ tên và chữ ký của hai giáo viên chấm thi, Trưởng bộ môn và được lưu tại văn phòng bộ môn và văn phòng khoa. Bài thi viết, đồ án môn học, tiểu luận, bài tập lớn (thay cho thi kết thúc học phần) của sinh viên được lưu giữ ít nhất 2 năm kể từ ngày nộp tại phòng chấm thi của khoa hoặc văn phòng bộ môn do Trưởng khoa quyết định.

Chấm thi vấn đáp phải được thực hiện tại giảng đường của Nhà trường hoặc cơ sở liên kết đào tạo. Điểm thi vấn đáp phải công bố ngay sau mỗi buổi thi khi hai giáo viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất thì các giáo viên chấm thi trình trưởng bộ môn quyết định.

b. Các học phần chỉ có thực hành

Các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập được tổ chức tại trung tâm thí nghiệm và thực nghiệm của Nhà trường. Điểm học phần là điểm trung bình chung của các điểm đánh giá bộ phận có trọng số.

c. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành

Kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần thực hiện như các học phần chỉ có lý thuyết. Phần thực hành được coi là điểm đánh giá bộ phận còn lại của học phần.

Khoa có trách nhiệm chuyển điểm học phần của sinh viên cho phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo có trách nhiệm thông báo điểm của sinh viên cho cơ sở liên kết đào tạo và công bố trên Website của Nhà trường chậm nhất là 15 ngày sau ngày chấm thi kết thúc học phần. Đối với các lớp vừa làm vừa học đào tạo trong trường thực hiện như Hệ chính quy.

4. Số lần kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần

Nhà trường chỉ tổ chức một lần kiểm tra giữa học phần và 2 lần thi kết thúc học phần cho mỗi học phần.

Giáo viên trực tiếp giảng dạy có quyền cho phép sinh viên được hoãn kiểm tra giữa học phần và các đánh giá bộ phận nếu sinh viên có lý do chính đáng và bộ môn có trách nhiệm tổ chức đánh giá cho sinh viên vào thời gian thích hợp nhưng phải trước ngày thi kết thúc học phần.

Sinh viên vắng thi kết thúc học phần nếu không được phép của Trường phòng Đào tạo sẽ phải nhận điểm học phần F (thang điểm chữ). Sinh viên vắng thi kết thúc học phần nếu được Trường phòng Đào tạo cho phép, sẽ được phép dự thi vào học kỳ phụ (nếu có) hoặc vào các học kỳ chính tiếp theo và được coi là thi lần đầu.

Điều 16. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang thang điểm chữ với các mức như sau:

a. Loại đạt	A (8,5 ÷ 10)	Giỏi
	B (7,0 ÷ 8,4)	Khá
	C (5,5 ÷ 6,9)	Trung bình
	D (4,0 ÷ 5,4)	Trung bình yếu

b. Loại không đạt: Điểm F (dưới 4,0) Kém

c. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau: X Chưa nhận được kết quả thi kết thúc học phần.

d. Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a. Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra, bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b. Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như nêu trong khoản 3 của điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm quy chế thi và bị xử lý ở mức đình chỉ thi kết thúc học phần.

5. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng cho trường hợp sau đây:

Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự thi, nhưng phải được Trường phòng Đào tạo cho phép.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ bộ môn, khoa chuyển đến.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a. Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A,B,C,D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b. Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường

khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 17. Tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi sang thang điểm 4 như sau:

- A tương ứng với 4
- B tương ứng với 3
- C tương ứng với 2
- D tương ứng với 1
- F tương ứng với 0

2. Điểm TBCHK và điểm TBCTL được tính theo công thức (*) và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^N n_i} \quad (*)$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm học phần thứ i , n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

N là số học phần tính điểm trung bình chung.

Điểm trung bình chung học kỳ dùng để khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả điểm học phần ở lần học thứ nhất với số tín chỉ đăng ký \geq số tín chỉ chuẩn/ 1 học kỳ của chương trình. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học cũng như xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp của sinh viên tính theo kết quả điểm học phần của lần học có điểm học phần cao nhất.

Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước đó để tính điểm TBCHK (đối với các học phần học vượt và đạt điểm từ điểm D trở lên và nếu sinh viên có nguyện vọng) hoặc thay thế vào điểm của học phần học lần đầu tiên (đối với các học phần học lại và học cải thiện điểm), tính lại điểm TBCHK của học kỳ đó, điểm TBCTL đến học kỳ đó và có thể xóa cảnh báo kết quả học tập tại học kỳ đó nếu có và nếu thỏa mãn các điều kiện của quy chế tại học kỳ đó.

Điều 18. Bảo lưu kết quả và miễn học học phần

Một học phần A được phép miễn học theo diện bảo lưu kết quả (điểm) khi sinh viên đã thi đạt học phần tương đương trong thời gian học để lấy văn bằng thứ nhất của trường.

Việc xem xét miễn học, bảo lưu kết quả đối với sinh viên thuộc diện chuyển trường do Hiệu trưởng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của khoa quản lý chuyên môn.

Thời gian bảo lưu các kết quả học tập của các học phần được quy định như sau:

- Không quá 7 năm tính đến ngày xét đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Không quá 5 năm đối với các học phần khác thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Sinh viên đã có quyết định xóa tên do bỏ học, nghỉ học hoặc bị buộc thôi học nếu tham gia thi lại tuyển sinh và trúng tuyển vào hệ chính quy thì phải học lại toàn bộ chương trình đào tạo - không được xét miễn học học phần trừ các môn học đã được cấp các chứng chỉ riêng như giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

Điều 19. Phúc tra và khiếu nại điểm

Sau khi điểm học phần đã được công bố tại văn phòng khoa, cơ sở liên kết đào tạo Website Nhà trường, sinh viên có quyền gửi đơn khiếu nại về điểm (cả điểm bộ phận và điểm học phần) đến văn phòng khoa chậm nhất là 14 ngày sau ngày công bố. Trưởng khoa có trách nhiệm giải quyết và trả lời khiếu nại của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, sinh viên có trách nhiệm gửi đơn yêu cầu khoa kiểm tra lại các điểm tương ứng.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP.

Điều 20. Thực tập cuối khoá, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, sinh viên được đăng ký thực tập cuối khoá, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn theo quy định sau:

a. Sinh đăng ký thực tập tốt nghiệp như một học phần theo quy trình quy định trong điều 8.

b. Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp áp dụng cho các sinh viên đạt điểm TBCTL đến thời điểm xem xét từ 2,2 trở lên.

c. Căn cứ vào kết quả đăng ký thực tập tốt nghiệp, đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp của sinh viên khoa phân cho các bộ môn. Việc phân công giáo viên hướng dẫn thực tập, đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp do bộ môn đảm nhiệm như phân công giảng dạy các học phần khác.

d. Học và thi một số học phần chuyên môn: Những sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Hình thức, nội dung và thời gian làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

Hình thức, nội dung và thời gian làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp được quy định trong các chương trình đào tạo.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi sinh viên phải dành nhiều thời gian thí nghiệm hoặc khảo sát để hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, khoa và bộ môn có thể chủ động bố trí thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 21. Chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giáo viên chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp theo đề nghị của bộ môn và khoa. Việc chấm mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do hai giáo viên đảm nhiệm. Chấm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp được thực hiện tại

văn phòng bộ môn.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 16 của Quy chế này. Kết quả chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điều 22. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp.

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b. Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo;

c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

d. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định (nếu có);

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 của Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm thư ký và có các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác - Học sinh sinh viên, Trưởng phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học như sau:

- | | |
|-------------------------|---|
| a. Loại xuất sắc: | Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,6 ÷ 4,0. |
| b. Loại giỏi: | Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,2 ÷ 3,59. |
| c. Loại khá: | Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 ÷ 3,19. |
| d. Loại trung bình khá: | Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,2 ÷ 2,49. |
| e. Loại trung bình: | Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 ÷ 2,19. |

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập toàn khoá của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần với điểm học phần cao nhất, điểm TBCTL toàn khoá và xếp loại tốt nghiệp. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 24. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, tùy mức độ sai phạm mà khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ coi thi vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho các khoá đào tạo đại học theo hình thức VLVH theo Hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. 

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phan Quang Thế